

## CÂU NGHI VẤN (tiếp theo)

### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu rõ câu nghi vấn không chỉ dùng để hỏi mà còn dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc,...
- Biết sử dụng câu nghi vấn phù hợp với tình huống giao tiếp.

### II – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu những chức năng khác của câu nghi vấn. Phần này cần làm rõ : ngoài chức năng chính là dùng để hỏi, câu nghi vấn còn dùng để cầu khiến (như *Anh có thể ngồi lùi vào một tí được không ?* ; khẳng định (như *Nó không lấy thì ai lấy ?* ; phủ định (như *Ai lại làm thế ?* ; đe dọa (như *Mày muốn ăn đòn hả ?* ; bộc lộ tình cảm, cảm xúc (như *Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?*),...

1. GV hướng dẫn HS xác định câu nghi vấn trong các đoạn trích. Gợi ý các em tìm những câu có từ nghi vấn.

Có các câu nghi vấn sau :

Đoạn trích (a) : "*Những người muôn năm cũ / Hồn ở đâu bây giờ ?*"

Đoạn trích (b) : "*Mày định nói cho cha mày nghe đấy à ?*"

Đoạn trích (c) : "*Có biết không ?*"; "*Lính đâu ?*"; "*Sao bay dám để cho nó chạy xông xọc vào đây như vậy ?*"; "*Không còn phép tắc gì nữa à ?*"

Đoạn trích (d) : Cả đoạn trích là một câu nghi vấn.

Đoạn trích (e) : "*Con gái tôi về đây ư ?*"; "*Chả lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lợi ấy !*"

2. Xác định chức năng của câu nghi vấn trong các đoạn trích. Đây là một yêu cầu tương đối khó đối với HS lớp 8. Nếu HS không trả lời được, GV có thể đưa ra các khả năng trả lời và HS sẽ lựa chọn theo kiểu trắc nghiệm.

Ví dụ : Câu trong đoạn trích (a) dùng để làm gì ?

Chọn một trong những chức năng sau : 1. cầu khiến ; 2. khẳng định ; 3. phủ định ; 4. đe dọa ; 5. bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

*Gợi ý :*

Đoạn trích (a) : bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự hoài niệm, tiếc nuối).

Đoạn trích (b) : đe dọa.

Đoạn trích (c) : cả bốn câu đều dùng để đe dọa.

Đoạn trích (d) : khẳng định.

Đoạn trích (e) : cả hai câu đều bộc lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên).

3. Nhận xét về dấu kết thúc các câu nghi vấn trong những đoạn trích trên.

Không phải tất cả các câu nghi vấn đều kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Câu nghi vấn thứ hai ở (e) kết thúc bằng dấu chấm than, chứ không phải là dấu chấm hỏi.

4. Hệ thống hoá kiến thức.

GV gọi một HS đọc to phần *Ghi nhớ*.

**Hoạt động 2.** Hướng dẫn làm bài tập.

### III – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**Bài tập 1.** Xác định câu nghi vấn.

– Có những câu nghi vấn sau :

a) *"Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?"*

b) *Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối  
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?  
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn  
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?  
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,  
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?  
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng  
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,  
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?  
... Thời oanh liệt nay còn đâu ?*

(Trong cả khổ thơ chỉ riêng *"Than ôi !"* không phải là câu nghi vấn.)

c) *"Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi?"*

d) *"Ôi, nếu thế thì còn đâu là quả bóng bay?"*

– Cho biết những câu nghi vấn đó được dùng để làm gì.

*Gợi ý :*

Trong (a) : bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự ngạc nhiên).

Trong (b) : phủ định ; bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

Trong (c) : cầu khiến ; bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

Trong (d) : phủ định ; bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

Lưu ý : Trong câu (d) có cả đặc điểm hình thức của câu cảm thán (từ *ôi*), nhưng đó vẫn là câu nghi vấn. Tuy nhiên, dù có xếp câu này vào kiểu nào đi nữa thì chức năng của nó cũng không thay đổi : dùng để thể hiện ý phủ định và bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

**Bài tập 2.** Xác định câu nghi vấn và đặc điểm hình thức của nó.

– Có những câu nghi vấn sau :

a) *"Sao cụ lo xa quá thế ?" ; "Tôi gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại ?" ; "Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu ?"*

b) *"Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chần dặt làm sao ?"*

c) *"Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử ?"*

d) *"Thằng bé kia, mày có việc gì ?" ; "Sao lại đến đây mà khóc ?"*

Những từ in đậm và dấu chấm hỏi ở cuối câu (chỉ có trong ngôn ngữ viết) thể hiện đặc điểm hình thức của câu nghi vấn.

– Những câu nghi vấn đó được dùng để làm gì ?

*Gợi ý :*

Trong (a) : câu 1 : phủ định ; câu 2 : phủ định ; câu 3 : phủ định.

Trong (b) : bộc lộ sự băn khoăn, ngần ngại.

Trong (c) : khẳng định.

Trong (d) : câu 1 : hỏi ; câu 2 : hỏi.

– Trong những câu nghi vấn đó, câu nào có thể thay thế được bằng một câu không phải là câu nghi vấn mà có ý nghĩa tương đương ? Hãy viết những câu có ý nghĩa tương đương đó.

Có những câu sau :

a) *"Sao cụ lo xa quá thế ?" ; "Tôi gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại ?" ; "Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu ?"*

b) *"Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chần dặt làm sao ?"*

c) *"Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử ?"*

Những câu có ý nghĩa tương đương :

a) *"Cụ không phải lo xa quá như thế." ; "Không nên nhịn đói mà để tiền lại." ; "Ăn hết thì lúc chết không có tiền để mà lo liệu."*

b) *"Không biết chắc là thằng bé có thể chần dặt được đàn bò hay không."*

c) *"Thảo mộc tự nhiên có tình mẫu tử."*

**Bài tập 3.** Đặt hai câu nghi vấn không dùng để hỏi. Mẫu :

a) *Bạn có thể kể cho mình nghe nội dung của bộ phim "Cánh đồng hoang" được không ?*

b) *(Lão Hạc ơi !) Sao đời lão khốn cùng đến thế ?*

**Bài tập 4.** Trong nhiều trường hợp giao tiếp, những câu như vậy dùng để chào. Người nghe không nhất thiết phải trả lời, mà có thể đáp lại bằng một câu chào khác (có thể cũng là một câu nghi vấn).

Người nói và người nghe có quan hệ rất thân mật.

#### IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Sđd.